

\* TUCN

**ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

Số 3768/QĐ-UBND

Đồng Nai, ngày 27 tháng 11 năm 2015

### **QUYẾT ĐỊNH**

**Phê duyệt quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Trảng Bom  
đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030**

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH ĐỒNG NAI**

Căn cứ Luật tổ chức HĐND và UBND ngày 26/11/2003;

Căn cứ Nghị định 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế – xã hội;

Căn cứ Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11/01/2008 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07/9/2006 của Chính phủ về việc lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội;

Căn cứ Quyết định 124/QĐ-TTg ngày 02/02/2012 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt quy hoạch tổng thể phát triển sản xuất ngành nông nghiệp đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm 2030;

Xét đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Đồng Nai tại Tờ trình số 3867TTr-SNN ngày 09/11/2015,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Phê duyệt Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Trảng Bom đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030, với nội dung chính như sau:

#### **I. Quan điểm phát triển**

- Phát triển sản xuất nông nghiệp trên địa bàn huyện phải phù hợp với Quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế xã hội huyện Trảng Bom; Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp, Đề án tái cơ cấu nông nghiệp tỉnh Đồng Nai đến năm 2020, tầm nhìn 2030; Quy hoạch sử dụng đất huyện Trảng Bom đến năm 2020 và các quy hoạch khác trên địa bàn đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

- Định hướng phát triển kinh tế - xã hội huyện đến năm 2020, tầm nhìn 2030 là nâng cao tỉ trọng các ngành công nghiệp – dịch vụ (đến năm 2020 tỉ trọng các ngành này là 96 – 97%), do đó quan điểm phát triển nông nghiệp trên

địa bàn là hỗ trợ và làm hậu cần phục vụ cho công nghiệp - dịch vụ và đô thị phát triển.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp phải khai thác có hiệu quả các nguồn lực; trong đó, ưu tiên khai thác các nguồn tài nguyên vô hạn là: công nghệ, tri thức, thương hiệu, v.v... Xây dựng nền nông nghiệp phát triển toàn diện tạo ra sản phẩm hàng hóa có sức cạnh tranh cao; phát huy tiềm năng, lợi thế của các vùng sinh thái, từng ngành hàng mà huyện Trảng Bom có thế mạnh, nâng cao mức sống cho người lao động, góp phần xây dựng nông thôn mới.

- Phát triển sản xuất nông nghiệp phải gắn với thị trường tiêu thụ và công nghiệp chế biến, bảo quản. Tập trung các nguồn lực để phát triển hệ thống cây trồng, vật nuôi chủ lực; đồng thời phát triển nông nghiệp đô thị ở thị trấn và các xã phía Tây huyện Trảng Bom.

- Phát triển chăn nuôi gia súc, gia cầm theo hướng chăn nuôi công nghiệp và bán công nghiệp. Đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng tại các khu chăn nuôi và giết mổ tập trung đã được quy hoạch; tiếp tục nâng cao chất lượng giống gia súc, gia cầm để tăng chu kỳ chăn nuôi và nâng cao sản lượng.

- Phát triển nông nghiệp ở Trảng Bom giai đoạn 2015- 2020 và định hướng tới năm 2030 phải phù hợp với quan điểm tăng trưởng xanh của cả nước, vùng Đông Nam bộ và tỉnh Đồng Nai.

- Quy hoạch phát triển sản xuất nông nghiệp huyện Trảng Bom theo hướng tập trung ưu tiên các nguồn lực phát triển cây trồng vật nuôi chủ lực là: cây rau an toàn, hoa cây cảnh, cây xanh đô thị, hồ tiêu, cà phê, điều và cây ăn quả các loại (chuối, chôm chôm, sầu riêng); chăn nuôi gà công nghiệp, heo hướng nạc. Đồng thời, phát triển đa canh theo hướng vườn sinh thái hỗn hợp bền vững cho khu vực đô thị.

## **II. Mục tiêu phát triển**

### **1. Mục tiêu tổng quát**

Phát triển nông nghiệp với nhiều thành phần kinh tế; phát triển toàn diện và bền vững; xây dựng nền nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, ứng phó với biến đổi khí hậu và nước biển dâng; tiếp tục đẩy mạnh sự chuyển đổi cơ cấu nội bộ ngành nông nghiệp theo hướng hiện đại, sản xuất hàng hóa lớn đạt năng suất chất lượng cao, an toàn, hiệu quả và có khả năng cạnh tranh, tăng giá trị và lợi nhuận trên một đơn vị diện tích đất nông nghiệp; gắn sản xuất với thị trường tiêu thụ và công nghiệp chế biến.

## **2. Mục tiêu cụ thể**

### *a) Giai đoạn 2016 – 2020:*

- GTSX nông lâm nghiệp và thủy sản thời kỳ 2015 – 2020 tăng bình quân 6,0 - 6,13%/năm; trong đó, GTSX nông nghiệp tăng 6,27%/năm (trồng trọt tăng 5,04%/năm, chăn nuôi: 6,47%/năm, dịch vụ nông nghiệp: 13,63%/năm), GTSX lâm nghiệp giảm bình quân: -32,84%/năm và GTSX thủy sản tăng bình quân: 5,68%/năm.

- Cơ cấu GTSX năm 2015: Nông nghiệp 92,45% (trồng trọt 33,75% - chăn nuôi 62,65% - dịch vụ nông nghiệp 3,6%) - Lâm nghiệp 0,47% - Thủy sản 7,08%.

- Cơ cấu GTSX năm 2020: Nông nghiệp 92,98% (trồng trọt 32,03% - chăn nuôi 63,79% - dịch vụ nông nghiệp 4,18%) - Lâm nghiệp 0,11% - Thủy sản 6,91%.

- Giá trị sản phẩm/ha đất trồng trọt năm 2015: 80 – 90 triệu đồng; năm 2020: 100 – 120 triệu đồng.

- Giá trị sản phẩm/ha mặt nước nuôi thủy sản năm 2015: 240 – 250 triệu đồng; năm 2020: 280 – 300 triệu đồng.

### *b) Tầm nhìn đến năm 2030:*

- GTSX nông lâm nghiệp và thủy sản thời kỳ 2021 – 2030 tăng bình quân 2,41%/năm; trong đó, GTSX nông nghiệp tăng 2,51%/năm (trồng trọt tăng 0,57%/năm, chăn nuôi: 1,79%/năm, dịch vụ nông nghiệp: 15,15%/năm), GTSX lâm nghiệp giảm bình quân: -1,67%/năm và GTSX thủy sản tăng bình quân: 0,92%/năm.

- Cơ cấu GTSX khu vực I năm 2030: Nông nghiệp 93,42% (trồng trọt 30,30% - chăn nuôi 64,41% - dịch vụ nông nghiệp 5,28%) - Lâm nghiệp 0,09% - Thủy sản 6,49%.

- Giá trị sản phẩm/ha đất trồng trọt năm 2030: 125 – 135 triệu đồng. Giá trị sản phẩm/ha mặt nước nuôi thủy sản năm 2030: 350 - 400 triệu đồng.

## **III. Quy hoạch các ngành hàng trong nông nghiệp**

### **1. Quy hoạch phát triển ngành trồng trọt:**

- **Sản xuất lúa:** Đến năm 2020 trên địa bàn huyện Trảng Bom còn 1.967 ha đất lúa (giảm 146 ha so với năm 2013). Ổn định vùng sản xuất lúa tập trung của huyện ở các xã: Hố Nai 3, Sông Trầu, Sông Thao với tổng diện tích đất lúa 1.214,7 ha, chiếm 62,0% tổng diện tích đất lúa toàn huyện (diện tích đất trồng 2 – 3 vụ lúa 1.092 ha). Diện tích gieo trồng lúa năm 2020 là 3.638 ha, năng suất bình

quân: 5,54 tấn/ha, sản lượng: 20.170 tấn; đến năm 2030 diện tích gieo trồng lúa giảm còn 2.700 ha, năng suất bình quân 5,60 tấn/ha, sản lượng 15.120 tấn.

- **Sản xuất bắp:** Đến năm 2020 diện tích gieo trồng bắp là 2.400 ha, năng suất bình quân: 8,11 tấn/ha, sản lượng: 19.500 tấn; đến năm 2030 diện tích gieo trồng bắp tăng lên 2.500 ha, năng suất bình quân 8,50 tấn/ha, sản lượng 21.250 tấn.

- **Sản xuất rau các loại:** Diện tích gieo trồng rau các loại năm 2020 là 1.650 ha, sản lượng: 21.756 đáp ứng nhu cầu tiêu thụ cho người dân tại chỗ, các khu công nghiệp, khu đô thị của huyện và các huyện lân cận. Đến năm 2030, tổng diện tích gieo trồng rau: 1.800 ha với sản lượng 27.000 tấn.

- **Sản xuất mía:** Ổn định diện tích vùng mía nguyên liệu cho nhà máy mía ở các xã: Hưng Thịnh, Trung Hòa, Đông Hòa, từng bước nâng cao năng suất mía, tăng khả năng cạnh tranh của mía với các loại cây trồng khác trên địa bàn. Đến năm 2020, diện tích mía ổn định 2.000 ha, sản lượng: 130.000 – 140.000 tấn.

- **Cây cao su:** Đến năm 2020 tổng diện tích cao su trên địa bàn huyện còn khoảng 1.700 ha (giảm 688 ha so với năm 2013), sản lượng 2.800 – 3.000 tấn.

- **Cây hồ tiêu:** Năm 2020 diện tích hồ tiêu: 1.880 ha, sản lượng: 4.758 tấn và đến năm 2030 tăng lên 2.000 ha, sản lượng: 5.280 tấn.

- **Cây cà phê:** Ổn định diện tích cà phê 4.000 ha với sản lượng: 6.800 - 7800 tấn.

- **Cây điều:** Đến năm 2020 sẽ giảm nhanh diện tích điều xuống còn khoảng 2.555 ha; hình thành vùng sản xuất điều tập trung ở các xã An Viễn, Sông Trầu, Đông Hòa, Hưng Thịnh; nâng năng suất điều bình quân lên 2,0 tấn/ha để đạt sản lượng: 4.725 tấn. Năm 2030 tiếp tục giảm diện tích điều còn khoảng 2.400 ha, sản lượng: 4.700 tấn.

- **Cây ăn quả:** Phát triển mạnh cây ăn quả đặc sản như: chuối, cam, quýt, bưởi, măng cầu ta, sầu riêng, chôm chôm, thanh long; trong đó, cây chuối và chôm chôm được xác định là cây ăn quả chủ lực của huyện.

Định hướng phát triển thêm diện tích cây chuối (sử dụng các giống chuối nuôi cấy mô), tập trung cải tạo diện tích chôm chôm bằng các giống mới (thái, nhãn), tăng diện tích trồng thanh long ở những nơi phù hợp; phát triển thêm diện tích sầu riêng và cây có múi (bưởi, quýt, v.v).

## 2. Quy hoạch xây dựng cánh đồng lớn đến năm 2020.

Căn cứ xác định tiêu chí để xây dựng cánh đồng lớn đối với từng cây

trồng theo Quyết định số 58/2014/QĐ-UBND ngày 24/11/2014 của UBND tỉnh Đồng Nai, xác định diện tích cánh đồng lớn đối với từng loại cây trồng ở huyện Trảng Bom như sau:

- Cây lúa: Sông Thao (931 ha), Hố Nai 3 (448 ha), Sông Trầu (926 ha), Trung Hòa (200 ha).
- Cây bắp: Sông Trầu (777 ha), Sông Thao (636 ha).
- Rau an toàn: Sông Trầu (150 ha), Đồi 61 (160 ha), Bắc Sơn (169 ha), Hưng Thịnh (85 ha), Trung Hòa (180 ha), Bình Minh (214 ha), Hố Nai 3 (118 ha).
- Mía: Đông Hòa (358 ha), Hưng Thịnh (1.000 ha), Trung Hòa (642 ha).
- Chuối: Bàu Hàm (600 ha), Sông Thao (150 ha), Sông Trầu (400 ha).
- Thanh long: Hưng Thịnh (50 ha).
- Cây điều: An Viễn (900 ha), Đông Hòa (500 ha), Sông Trầu (500 ha), Tây Hòa (200 ha), Trung Hòa (150 ha), Hưng Thịnh (240 ha).
- Cây cà phê: Cây Gáo (600 ha), Sông Trầu (600 ha), Sông Thao (980 ha), Bàu Hàm (1.100 ha).
- Cây hồ tiêu: Thanh Bình (900 ha), Bàu Hàm (80 ha), Sông Trầu (393 ha), Sông Thao (180 ha).

### **3. Quy hoạch ngành chăn nuôi**

#### *a) Quy mô, cơ cấu đàn và sản phẩm chăn nuôi.*

- Đàn bò đến năm 2020 đạt 4.700 con; đến năm 2030 đạt 5.000 con.
- Đàn heo năm 2020 đạt 280.000 con; trong đó, heo nái: 32.500 con. Đến năm 2030 đạt 310.000 con; trong đó, heo nái: 35.000 con.
- Đàn gà đến năm 2020, tổng đàn gà đạt 4,7 triệu con; trong đó, gà đẻ: 2,0 triệu con. Đến năm 2030, tổng đàn gà đạt 5,0 triệu con; trong đó, gà đẻ: 2,3 triệu con.

#### *b) Quy hoạch vùng phát triển chăn nuôi.*

Trên địa bàn huyện Trảng Bom quy hoạch 11 vùng phát triển chăn nuôi tập trung với tổng diện tích 1.425 ha; cụ thể như sau:

- Vùng PTCN ấp Tân Thành, Thanh Bình: 40,0 ha
- Vùng PTCN ấp Trung Tâm, Thanh Bình: 25,0 ha
- Vùng PTCN ấp Tân Lập II, Cây Gáo: 200,0 ha

- Vùng PTCN ấp Cây Diệp, Cây Gáo:	40,0 ha
- Vùng PTCN ấp Cây Điều, Bàu Hàm:	55,0 ha
- Vùng PTCN ấp Thuận An, Sông Thao:	390,0 ha
- Vùng PTCN ấp 8, Sông Trầu:	200,0 ha
- Vùng PTCN ấp 3, Sông Trầu:	150,0 ha
- Vùng PTCN ấp An Bình, Trung Hòa:	100,0 ha
- Vùng PTCN ấp Hòa Bình, Đông Hòa:	80,0 ha
- Vùng PTCN ấp Hưng Bình, Hưng Thịnh:	145,0 ha

*c) Quy hoạch cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm.*

Đến năm 2020 trên địa bàn huyện Trảng Bom sẽ có 5 Cơ sở giết mổ gia súc, gia cầm như sau:

- Công ty D&F ở ấp An Bình, xã Trung Hòa. Công suất giết mổ 500 đến 800 con heo/ngày và 10.000 đến 15.000 con gia cầm/ngày.

- Cơ sở giết mổ Thuận Trường ở ấp Thuận Trường – xã Sông Thao. Công suất giết mổ 10.000 đến 15.000 con gia cầm/ngày.

- Cơ sở giết mổ trâu bò ở ấp Lộ Đức, xã Hố Nai 3. Công suất giết mổ 100 đến 200 con trâu, bò/ngày.

- Cơ sở giết mổ của bà Mai Thị Kim Chung ở ấp 6, xã Sông Trầu. Công suất giết mổ 250 đến 300 con heo/ngày (điều chỉnh vị trí quy hoạch từ ấp 8 sang ấp 6).

- Cơ sở giết mổ Trương Minh Sao (vệ tinh) xã An Viên. Công suất giết mổ 30 đến 50 con heo/ngày.

#### **4. Quy hoạch ngành lâm nghiệp**

- Đến năm 2020, diện tích đất lâm nghiệp còn 76,4 ha; trong đó, rừng sản xuất: 61,8 ha, rừng phòng hộ: 4,8 ha và rừng đặc dụng: 9,8 ha.

- Tập trung quản lý và bảo vệ diện tích rừng; rừng phòng hộ cần kết hợp trồng các cây phụ trợ như keo với những cây có giá trị kinh tế và phòng hộ lâu dài như sao, dầu... Đối với rừng sản xuất áp dụng công nghệ giâm hom, đưa các loại giống như keo lai, bạch đàn cao sản và một số loài cây khác có chu kỳ kinh doanh ngắn, sinh trưởng nhanh, cho năng suất cao.

#### **5. Quy hoạch ngành thủy sản:**

- Diện tích nuôi thủy sản nước ngọt đến năm 2020: 1.466 ha; trong đó, nuôi chuyên: 864 ha (thâm canh và bán thâm canh: 764 ha, quảng canh: 100 ha)

và nuôi kết hợp: 602 ha. Sản lượng thủy sản đạt: 10.405 tấn.

- Đến năm 2030, diện tích nuôi thủy sản nước ngọt ổn định 1.466 ha với sản lượng: 11.400 tấn.

#### **IV. Phát triển cơ sở hạ tầng phục vụ sản xuất nông nghiệp**

##### **1. Thủy lợi.**

a) Giai đoạn 2014- 2015 thực hiện các công trình sau:

- Xây dựng trạm bơm Cây Gáo, với tổng diện tích tưới 2.000 ha; trong đó: lúa (50 ha), cây màu (200 ha), cây chủ lực (1.750 ha), với nguồn vốn khoảng 13,5 tỷ.

- Có 05 công trình kiên cố kênh mương: kênh hồ Sông Mây (dài 21,35 km, kinh phí 1.269 triệu đồng), kênh hồ Bà Long (7,0 km, kinh phí 3.162 triệu đồng), kênh hồ Thanh Niên (dài 3,0 km, kinh phí 1.300 triệu đồng), kênh hồ Suối Đầm (2,0 km, kinh phí 904 triệu đồng), kênh đập Suối Dầu (dài 0,8 km, kinh phí 1.745 triệu đồng).

- Có 04 Công trình tu sửa nâng cấp gồm: Hồ Bà Long với diện tích tưới 90 ha, tổng số vốn 3.000 triệu đồng; hồ Thanh Niên diện tích tưới 60 ha, kinh phí 500 triệu đồng; hồ Sông Mây, diện tích tưới 950 ha, kinh phí 4.000 triệu đồng; hồ Suối Đầm, diện tích tưới 64 ha, kinh phí 2.000 triệu đồng.

b) Giai đoạn 2016 - 2020: Xây mới 03 công trình: hệ thống tưới ở hồ Sông Thao, Suối Tre với tổng diện tích tưới 1.200 ha (lúa: 350 ha, màu: 600 ha, cây chủ lực: 250 ha), tổng kinh phí 151.371 tỷ đồng.

##### **2. Giao thông**

- Đến năm 2015, các tuyến đường tỉnh, đường huyện được nhựa hóa, cứng hóa 100% đạt tiêu chuẩn, đường đô thị nhựa hóa đạt 70 - 80%. Đường xã nhựa hóa và bê tông xi măng đạt 50% và mở mới thêm mạng lưới đường xã.

- Đến năm 2020, toàn bộ hệ thống đường tỉnh, đường huyện và đường đô thị đều được nhựa hóa, cứng hóa 100% đạt tiêu chuẩn, phần đầu đường xã nhựa được nhựa hóa và bê tông xi măng đạt 80%.

##### **3. Hệ thống điện phục vụ nông nghiệp**

- Điện khí hóa nông thôn: Trung thế 1 pha: 3,6 km, trung thế 3 pha: 5 km, tổng số trạm biến áp: 9 trạm, dung lượng biến áp: 825 KVA; số hộ có nhu cầu sử dụng: 360 hộ.

- Khu chăn nuôi tập trung: Trung thế 3 pha: 13,2 km; tổng số 12 trạm biến áp; dung lượng trạm biến áp: 2.100 KVA; số hộ sử dụng: 328 hộ.

- Khu sản xuất nông nghiệp: 2,4 km trung thế 1 pha; 5,2 km trung thế 3 pha; tổng số 8 trạm biến áp; dung lượng trạm biến áp 1.350 KVA; có 244 hộ sử dụng.

## **V. Các dự án ưu tiên đầu tư và các dự án có liên quan**

### **1. Các dự án ưu tiên đầu tư**

- Dự án đầu tư xây dựng và chuyển giao các mô hình sản xuất nông nghiệp theo VietGAP.

- Dự án xây dựng khu chăn nuôi tập trung heo, gà ứng dụng công nghệ cao:

- Dự án xây dựng vùng nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao

- Dự án trồng cải tạo thay thế giống điều mới có chất lượng

- Dự án trồng thâm canh ca cao xen trong vườn điều, vườn cây ăn quả:

- Dự án đầu tư nâng cao hiệu quả các mô hình luân canh lúa với cây trồng cạn (bắp, rau, đậu).

- Dự án đầu tư hoàn chỉnh hệ thống công trình thuỷ lợi phục vụ SXNN

- Dự án tăng cường cơ giới hóa nông nghiệp và công nghệ sau thu hoạch phục vụ sản xuất nông nghiệp.

### **2. Các dự án trong các quy hoạch khác có liên quan**

+ Dự án đầu tư mô hình nuôi thủy sản nước ngọt tập trung thâm canh và bán thâm canh.

+ Dự án kêu gọi đầu tư phát triển dịch vụ nông nghiệp (giống cây trồng, vật nuôi, chế biến và tiêu thụ nông sản, cơ sở giết mổ gia súc - gia cầm,...).

+ Dự án xây dựng cánh đồng lớn.

+ Dự án đầu tư phát triển rau - hoa - cây cảnh.

+ Dự án nâng cao năng lực hệ thống bảo vệ thực vật trên địa bàn huyện.

+ Dự án đầu tư xây dựng mạng thông tin nông nghiệp.

+ Dự án vận động thành lập các hợp tác xã dịch vụ nông nghiệp.

+ Dự án xây dựng mô hình chăn nuôi an toàn sinh học.

+ Dự án đầu tư máy cấy lúa, máy sấy lúa và thiết bị laser san phẳng đồng ruộng.

## **VI. Vốn đầu tư và giải pháp thực hiện quy hoạch**

### **1. Nhu cầu vốn đầu tư**

- Tổng nhu cầu vốn đầu tư xã hội cho phát triển ngành nông nghiệp huyện



Trảng Bom giai đoạn 2015 – 2020 là: 4.227,21 tỷ đồng.

- Chia theo nguồn vốn đầu tư: Vốn ngân sách (trung ương, tỉnh, huyện) chiếm khoảng 12% tổng vốn đầu tư (tương đương 507.265 triệu đồng, bình quân khoảng 72.466 triệu đồng/năm). Vốn tín dụng khoảng 40% (khoảng 1.690.886 triệu đồng). Vốn tự có của doanh nghiệp, nông hộ, chủ trang trại, kinh tế hợp tác,... chiếm khoảng 40% tổng vốn đầu tư (khoảng 1.690.886 triệu đồng). Ngoài ra, còn các nguồn vốn khác như vốn liên doanh, liên kết, kêu gọi vốn đầu tư từ bên ngoài trong các lĩnh vực bảo quản, chế biến nông sản, phát triển nông nghiệp ứng dụng công nghệ cao, chiếm khoảng 8%.

**2. Giải pháp thực hiện:** Thực hiện đồng bộ 10 nhóm giải pháp, bao gồm:

- Đẩy mạnh ứng dụng công nghệ mới – các tiến bộ khoa học kỹ thuật vào phát triển ngành nông nghiệp huyện Trảng Bom

- Giải pháp cơ chế chính sách

- Tuyên truyền, vận động về nông nghiệp đô thị

- Nhóm giải pháp đổi mới loại hình tổ chức sản xuất nông nghiệp

- Nhóm giải pháp xây dựng và chuyển giao các mô hình nông nghiệp thuộc chương trình phát triển cây trồng, vật nuôi chủ lực

- Nhóm giải pháp hoàn thiện cơ sở hạ tầng phục vụ nông nghiệp

- Nhóm giải pháp đầu tư phát triển cơ giới hóa và chế biến nông sản

- Nhóm giải pháp về khuyến nông, về khoa học công nghệ, chuyển giao tiến bộ kỹ thuật

- Chính sách khuyến khích phát triển hợp tác, liên kết sản xuất, gắn với tiêu thụ nông sản, xây dựng cánh đồng lớn

- Nhóm giải pháp đào tạo nguồn nhân lực

### **3. Tổ chức thực hiện**

Căn cứ nội dung quy hoạch này, Chủ tịch UBND huyện Trảng Bom có trách nhiệm:

- Tổ chức công bố Quy hoạch rộng rãi theo quy định hiện hành để người sản xuất biết thực hiện.

- Phối hợp với các cơ quan chức năng của tỉnh trong công tác chỉ đạo, tổ chức thực hiện quy hoạch, xây dựng và thực hiện Kế hoạch 5 năm và kế hoạch hàng năm về phát triển nông nghiệp và xây dựng nông thôn mới trên địa bàn huyện; xúc tiến xây dựng các công trình, dự án để phục vụ tốt hơn cho nhu cầu sản xuất,

hướng dẫn, vận dụng các chính sách hỗ trợ sản xuất nông nghiệp đến người sản xuất...

- Phối hợp với các cơ quan chức năng xây dựng kế hoạch phát triển, các dự án đầu tư theo thứ tự ưu tiên triển khai thực hiện.

- Chỉ đạo các cơ quan chức năng của huyện là đơn vị trực tiếp quản lý và triển khai thực hiện các nội dung quy hoạch theo quy định. Tổ chức và chỉ đạo các xã công bố công khai quy hoạch, tham mưu cho UBND huyện chỉ đạo các xã phát triển theo dự án quy hoạch.

- Lồng ghép các chương trình, đề án và dự án ưu tiên đầu tư để thực hiện các mục tiêu quy hoạch của ngành và trên địa bàn huyện.

- Tổ chức thực hiện quản lý, đánh giá kết quả thực hiện quy hoạch theo định kỳ quy định.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành.

**Điều 3.** Chánh văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc các sở: Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Kế hoạch và Đầu tư, Tài chính, Khoa học và Công nghệ, Công thương, Tài nguyên và môi trường, Giao thông vận tải, Xây dựng, Lao động thương binh và xã hội, Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Trảng Bom và thủ trưởng các đơn vị, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
  - Thường trực Tỉnh ủy ;
  - Thường trực HĐND tỉnh ;
  - Chủ tịch, các PCT. UBND tỉnh;
  - Chánh, Phó Văn phòng CNN.
  - Lưu VT, CNN, TH.
- Th.cnn.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN  
KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**



**Võ Văn Chánh**